

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, phô mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Văn An	Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012





Số: 13.156/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

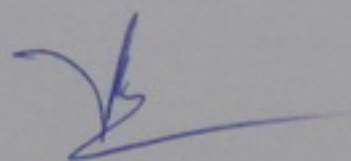
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.726.675.145	41.838.493.070
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	6.729.855.890	11.774.976.805
1. Tiền	111		6.729.855.890	11.774.976.805
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.2	29.526.456.041	24.922.567.771
1. Phải thu khách hàng	131		13.597.753.568	10.981.136.097
2. Trả trước cho người bán	132		3.230.492.649	5.149.246.523
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.161.399.171	9.072.181.668
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.463.189.347)	(279.996.517)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	396.047.547	445.196.802
1. Hàng tồn kho	141		491.333.369	540.482.624
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	(95.285.822)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		7.074.315.667	4.695.751.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	2.396.322.207	2.761.485.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.069.962	46.269.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		179.214.484	129.856.631
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.452.709.014	1.758.139.770

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.688.925.254	75.877.822.696
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		53.347.268.831	55.757.096.298
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	39.385.359.741	41.795.187.208
+ Nguyên giá	222		59.052.539.146	59.314.920.544
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.667.179.405)	(17.519.733.336)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	13.750.000.000	13.750.000.000
+ Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		211.909.090	211.909.090
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.8	16.419.710.508	16.419.710.508
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.366.547.396	8.366.547.396
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8.053.163.112	8.053.163.112
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.921.945.915	3.701.015.890
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.088.067.681	1.322.327.681
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	654.424.960	199.234.935
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	2.179.453.274	2.179.453.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.415.600.399	117.716.315.766

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.140.667.990	25.004.268.334
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		14.276.939.300	14.306.686.371
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.10	465.374.629	656.530.817
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	3.095.460.137	578.019.551
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	714.991.698	1.306.480.600
5. Phải trả người lao động	315		128.812.083	805.561.491
6. Chi phí phải trả	316	5.12	3.272.124.802	1.950.631.377
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	6.600.175.951	9.009.462.535
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		10.863.728.690	10.697.581.963
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.686.609.350	1.584.409.350
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	9.000.000.000	9.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		177.119.340	113.172.613
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.274.932.409	92.712.047.432
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	5.15	92.274.932.409	92.712.047.432
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.222.753.656	10.659.868.679
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.415.600.399	117.716.315.766

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

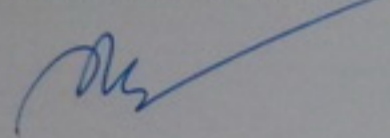
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		4.014,42	4.012,84
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

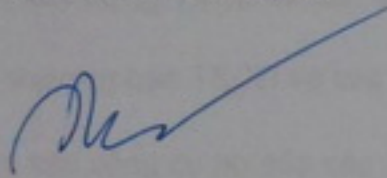
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.876.164.016	29.967.643.420
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	23.876.164.016	29.967.643.420
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.994.126.061	25.904.588.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.882.037.955	4.063.055.294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	782.161.604	1.355.180.604
7. Chi phí tài chính	22	6.4	851.524.774	912.840.691
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		845.183.561	901.915.741
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	7.113.035.451	4.453.593.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.300.360.666)	51.802.205
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.519.737.254	98.031.727
12. Chi phí khác	32		111.681.636	76.820.000
13. Lợi nhuận khác	40		3.408.055.618	21.211.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(892.305.048)	73.013.932
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	37.458.483
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(455.190.025)	(164.791.947)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(437.115.023)	200.347.396

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(892.305.048)	73.013.932
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.400.783.376	2.901.775.929
Các khoản dự phòng	03		2.183.192.830	375.282.339
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(784.006.604)	(1.377.591.877)
Chi phí lãi vay	06		845.183.561	901.915.741
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.752.848.115	2.874.396.064
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.005.998.721)	14.274.752.801
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		49.149.255	(65.021.385)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.680.147.981	2.378.327.155
Tăng giảm chi phí trả trước	12		599.423.621	(1.907.891.564)
Tiền lãi vay đã trả	13		(845.183.561)	(901.915.741)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(100.000.000)	(990.428.714)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		229.000.000	198.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(106.800.000)	(1.812.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(3.747.413.310)	14.048.118.616
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.474.545)	(482.327.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21.363.636	22.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.796.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		782.161.604	1.354.864.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		793.050.695	(7.900.735.396)

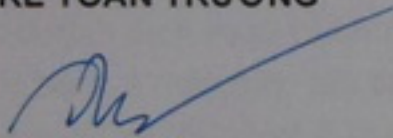
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.258.486.960)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.090.758.300)	(17.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.090.758.300)	(7.276.186.960)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(5.045.120.915)	(1.128.803.740)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.774.976.805	20.808.259.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		6.729.855.890	19.679.455.721

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 33 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 24 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế như sau:

Tỷ lệ trích các quỹ do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được trích theo tỷ lệ quy định tại Điều 49.3 của Điều lệ thành lập Công ty với tỷ lệ không quá 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 7 năm kể từ năm 2007 và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo được quy định trong Công văn 227/CT-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN CHUYÊN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	537.144.001	667.100.000
Tiền gửi ngân hàng	6.192.711.889	11.107.876.805
Tổng cộng	6.729.855.890	11.774.976.805

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	13.597.753.568	10.981.136.097
Trả trước cho người bán	3.230.492.649	5.149.246.523
Các khoản phải thu khác	15.161.399.171	9.072.181.668
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	31.989.645.388	25.202.564.288
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.463.189.347)	(279.996.517)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	29.526.456.041	24.922.567.771

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu của các bên liên quan là 1.224.781.773 đồng – Xem thêm mục 7.

Trong khoản phải thu khác có bao gồm khoản phải thu khác của các bên liên quan là 228.878.802 đồng - Xem thêm mục 7.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	463.270.016	511.516.071
Công cụ, dụng cụ	28.063.353	28.966.553
Cộng giá gốc hàng tồn kho	491.333.369	540.482.624
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	(95.285.822)
Giá trị thuần có thể thực hiện	396.047.547	445.196.802

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	249.830.032	294.128.805
Chi phí khác	2.146.492.175	2.467.357.023
Tổng cộng	2.396.322.207	2.761.485.828

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	3.646.495.614	931.926.370
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	806.213.400	826.213.400
Tổng cộng	4.452.709.014	1.758.139.770

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.383.565	397.330	56.936.514	597.510	59.314.920
Mua trong kỳ	-	10.475	-	-	10.475
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.684)	(31.825)	(163.347)	(272.856)
Số dư cuối kỳ	1.383.565	330.121	56.904.690	434.164	59.052.539
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.092.287	391.601	15.536.291	499.555	17.519.733
Khấu hao trong kỳ	4.284	2.446	2.366.142	27.911	2.400.783
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.684)	(15.731)	(159.922)	(253.337)
Số dư cuối kỳ	1.096.570	316.363	17.886.702	367.545	19.667.179
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	291.279	5.730	41.400.224	97.955	41.795.187
Tại ngày cuối kỳ	286.995	13.758	39.017.988	66.619	39.385.360

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 23.954.176.867 đồng - Xem thêm mục 5.14.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.792.497.410 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08 tháng 9 năm 2003. Một phần giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn - Xem thêm mục 5.14.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	8.366.547.396	8.366.547.396
Đầu tư dài hạn khác	8.053.163.112	8.053.163.112
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	16.419.710.508	16.419.710.508

Khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	100%	2.482.327.273	100%	2.482.327.273
Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	100%	5.884.220.123	100%	5.884.220.123
Tổng cộng		8.366.547.396		8.366.547.396

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Đầu tư Giải trí Phước Sang	2.177.147.112	2.177.147.112
Tập đoàn Radius	80.016.000	80.016.000
Cho vay dài hạn Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000
Tổng cộng	8.053.163.112	8.053.163.112

5.9. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	1.000.100.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ khác	378.000.000	378.000.000
Tổng cộng	2.179.453.274	2.179.453.274

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	417.358.367	656.530.817
Người mua trả tiền trước	3.095.460.137	578.019.551
Tổng cộng	3.512.818.504	1.234.550.368

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là 157.231.974 đồng – Xem thêm mục 7.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	141.497.715	223.117.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	573.493.983	673.493.983
Thuế thu nhập cá nhân	-	468.190
Tiền thuê đất	-	409.401.000
Tổng cộng	714.991.698	1.306.480.600

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đào tạo lái xe	257.330.738	360.761.330
Chi phí dịch vụ lữ hành	1.085.038.063	114.202.017
Chi phí khác	1.929.756.001	1.475.668.030
Tổng cộng	3.272.124.802	1.950.631.377

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	197.422.243	41.094.668
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	81.534.394	242.346.885
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Cổ tức phải trả	2.880.950.257	4.971.708.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.300.969.057	3.615.012.425
Tổng cộng	6.600.175.951	9.009.462.535

Trong khoản phải trả trên, bao gồm khoản phải trả cho các bên liên quan là 36.643.240 đồng – Xem thêm mục 7.

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng để đầu tư mua 100 xe Toyota Vios 1,5 E để phục vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi. Thời hạn vay là 05 năm với lãi suất 19%/năm. Tài sản thế chấp gồm: Tài sản hình thành từ hợp đồng vay và quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 5.6 và 5.7.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000	2.052.179	18.700.886	100.753.065
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.243.468	2.243.468
Cổ tức đã công bố	-	-	(9.600.000)	(9.600.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(684.486)	(684.486)
Số dư đầu năm nay	80.000.000	2.052.179	10.659.869	92.712.047
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(437.115)	(437.115)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	80.000.000	2.052.179	10.222.754	92.274.932

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	13.808.640.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42.906.420.000	42.906.420.000
Tổng cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	14.204.927	434.177.536
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.861.959.089	29.533.465.884
Doanh thu thuần	23.876.164.016	29.967.643.420

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.204.927	314.141.728
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.979.921.134	25.495.160.576
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	95.285.822
Tổng cộng	20.994.126.061	25.904.588.126

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	782.161.604	1.354.864.604
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	316.000
Tổng cộng	782.161.604	1.355.180.604

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	845.183.561	901.915.741
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.341.213	10.924.950
Tổng cộng	851.524.774	912.840.691

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN CHUYÊN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.798.822.485	1.971.717.805
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.000.000	560.765.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.435.925	80.013.756
Thuế, phí và lệ phí	24.104.640	139.203.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.469.402	140.457.516
Chi phí khác bằng tiền	2.852.010.169	1.281.439.220
Chi phí dự phòng	2.183.192.830	279.996.517
Tổng cộng	7.113.035.451	4.453.593.002

6.6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền bồi thường dự án 99 C Phổ Quang	3.400.000.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	21.363.636	-
Thu nhập khác	98.373.618	98.031.727
Tổng cộng	3.519.737.254	98.031.727

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(891.521.048)	73.013.932
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	92.163.000	76.820.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(799.358.048)	149.833.932
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	37.458.483

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí phải trả
Số dư đầu kỳ trước	304.456.147
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh kỳ trước	(105.221.212)
Số dư đầu năm nay	199.234.935
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh kỳ này	455.190.025
Số dư cuối kỳ	654.424.960

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.508.897.681	2.769.615.678
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246.165.421	332.437.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.400.783.376	2.901.775.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.406.726.249	3.255.960.333
Chi phí khác bằng tiền	2.877.992.309	2.263.258.925
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.183.192.830	279.996.517
Tổng cộng	13.623.757.866	11.803.044.837

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Cổ đông
2. Công ty TNHH Thép Vĩnh Đa	Cổ đông
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2	1.224.781.773	1.501.341.103
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.2	228.878.802	372.732.393
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 5.10	(157.231.974)	(516.567.726)
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.13	(36.643.240)	(2.033.409.240)
Tổng cộng	1.259.785.361	(675.903.470)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu	1.663.053.242	816.150.791
Mua hàng	516.941.644	1.365.726.249
Góp vốn	-	5.760.750.596

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	275.779.465	315.553.490
Lương các nhân viên chủ chốt khác	542.340.769	708.338.621
Tổng cộng	818.120.234	1.023.892.111

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN CHUYÊN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 01 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.083.459.775	1.119.375.306

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	1/1/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.729.855.890	11.774.976.805
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.893.851.599	19.137.488.277
Đầu tư dài hạn	8.053.163.112	8.053.163.112
Tổng cộng	36.676.870.601	38.965.628.194
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.436.560.053	10.966.689.787
Chi phí phải trả	3.272.124.802	1.950.631.377
Tổng cộng	20.708.684.855	21.917.321.164

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	1/1/2012	30/6/2012	1/1/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.014,42	4.012,84

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.436.560.053	-	8.436.560.053
Chi phí phải trả	3.272.124.802	-	3.272.124.802

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1/1/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	7.015.703.480	3.950.986.307	10.966.689.787
Chi phí phải trả	1.950.631.377	-	1.950.631.377

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.893.851.599	-	21.893.851.599

1/1/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải trả khác	18.080.747.323	1.056.740.954	19.137.488.277

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

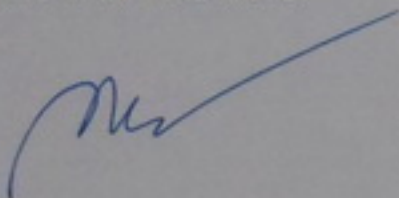
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 9 năm 2012.

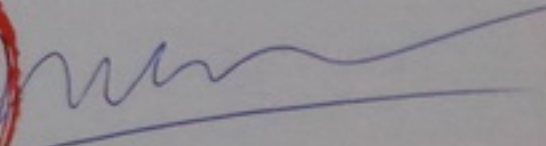
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH QUANG HIỀN